

# Kinh nghiệm điều chỉnh chính sách thương mại của Nhật Bản

**ĐẶNG THỊ HIẾU LÁ**

***N**hững năm trước đây, trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế toàn cầu và cả hiện tại, Nhật Bản đều là nền kinh tế lớn thứ 2 toàn cầu, tính theo GDP chỉ sau Hoa Kỳ, xếp thứ 4 thế giới về xuất khẩu và thứ 6 thế giới về nhập khẩu. Quốc gia này là thành viên của G8, G4 và APEC, là một trong những nước có tuổi thọ trung bình của dân số cao nhất thế giới... Sự thành công to lớn của nền kinh tế Nhật Bản là do kết hợp của nhiều yếu tố tạo nên, trong đó một nhân tố nổi bật, đóng vai trò quan trọng nhất đó là chính sách thương mại của Nhật Bản. Bài viết này, tác giả giới thiệu các quá trình điều chỉnh các nhân tố cấu thành chính sách thương mại của Nhật Bản, mà Việt Nam có thể tham khảo.*

## 1. Quy định về quản lý hàng hóa nhập khẩu

Đầu những năm 90 ở Nhật Bản, các biện pháp quản lý hàng nhập khẩu bao gồm: phân phối ngoại tệ, hạn chế về lượng hàng nhập khẩu... Phải đương đầu với tình trạng thiếu ngoại tệ, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra các hạn chế về chủng loại và số lượng hàng nhập khẩu cũng như số lượng các nhà nhập khẩu với một danh mục rộng lớn các hàng hóa từ nguyên vật liệu tới sản phẩm cuối cùng. Nhật Bản khi đó chỉ ưu tiên nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và công nghệ tiên tiến cần thiết cho việc mở rộng sản xuất trong các ngành sản xuất để

xuất khẩu, thu ngoại tệ và cho những ngành công nghiệp non trẻ.

Nhật Bản đã đánh thuế cao vào việc nhập khẩu các hàng hóa được chế biến ở mức độ cao. Hơn nữa các tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (ERP) đã ở trên các tỷ lệ bảo hộ thông thường. Có thể nói chính sách kiểm soát hàng hóa nhập khẩu được coi như là một biện pháp bảo hộ và khuyến khích nền công nghiệp nội địa của Nhật Bản.

Các ngành công nghiệp nội địa của Nhật Bản được hưởng bảo hộ ở mức độ nào? Có thể xem xét bảng dưới đây để có thể nhận thấy sự giảm một bước của ERP đối với ngành công nghiệp dệt tới năm 1968.

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả trong ngành dệt may ở Nhật Bản (%)**

	1963		1968		ERP	NRP
	NRP	ERP	NRP	ERP	1963	1968
Nguyên vật liệu	3,1	0,8	3,9	0,9	-2,3	-3,0
Hàng hóa sản xuất	13,7	29,9	15,2	22,3	15,9	7,1
Hàng hóa sản xuất trung gian	12,3	28,0	14,1	21,7	15,7	7,6
Hàng hóa sản xuất cuối cùng	15,9	32,3	16,9	23,2	15,4	6,3
Hàng hóa tiêu dùng	21,6	44,6	23,6	35,8	23,0	12,2

*Nguồn:* Chính sách công nghiệp của Nhật Bản, Nxb Chính trị quốc gia, HN 1999, tr. 267. ERP: Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả; NRP: Tỷ lệ bảo hộ thông thường.

Đến đầu thập kỷ 70, Nhật Bản đã đạt được nhiều thành tựu về phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng và công nghiệp hóa chất, nhờ những chính sách "bảo

hộ hiệu quả" mà Chính phủ cho phép. Tuy nhiên, cũng ngay sau đó, chính sách công

Đặng Thị Hiếu Lá, TSKH., Viện Kinh tế Việt Nam.

nghiệp theo hướng thay thế nhập khẩu đã dần dần bộc lộ những khuyết điểm. Nó không những không tạo động lực cần thiết cho phát triển kinh tế, mà còn làm cho cơ cấu công nghiệp phát triển mất cân đối nghiêm trọng. Càng hạn chế nhập khẩu thì lại ngày càng phụ thuộc vào thị trường từ bên ngoài, chẳng hạn để phát triển công nghiệp trong nước, Nhật Bản cần phải nhập rất nhiều dầu mỏ, việc chi tiêu cho nhập khẩu dầu mỏ trong GDP ngày càng tăng, từ 1,3% năm 1970 đã tăng lên 4,5% năm 1974 và 4,8% năm 1979<sup>1</sup>... Do đó, để có được ngoại tệ trang trải cho nhập khẩu, Chính phủ đã buộc phải thúc đẩy xuất khẩu, dẫn đến một số ngành công nghiệp phải dựa phần lớn vào thị trường xuất khẩu để tiêu thụ sản phẩm như ngành thép, đóng tàu, hóa chất, chế tạo ô tô, dệt... Chính sách bảo hộ công nghiệp trong nước, kể cả cái gọi là bảo hộ "ngành công nghiệp non trẻ" ở Nhật Bản, thời kỳ này (những năm 1970 và 1980), chỉ được coi là biện pháp tạm thời. Chính phủ Nhật Bản đã nhanh chóng chuyển hướng sang đối xử bình đẳng đối với tất cả các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, coi trọng cả nhập khẩu và xuất khẩu, dần dần và cho đến nay công nghiệp hướng xuất khẩu được coi là mô hình ưu tiên của Nhật Bản.

Từ cuối những năm 90 đến nay, thị trường Nhật Bản, về cơ bản là tự do trong lĩnh vực ngoại thương. Tuy nhiên, tự do ngoại thương vẫn không phải là tuyệt đối, đối với hàng hóa nhập khẩu, vẫn có một số ít hàng hóa bị cấm hoặc phải xin phép, hoặc bị hạn chế nhập khẩu.

1. Hàng hóa nhập khẩu bị cấm, bao gồm: thuốc phiện, những thuốc gây nghiện khác, dụng cụ để hút thuốc phiện, chất kích thích, chất tác động đến thần kinh (trừ những loại được quy định rõ theo Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi); súng, đạn các loại; các loại tiền kim loại, tiền giấy, giấy bạc hoặc chứng khoán giả; sách, bản vẽ, tác phẩm nghệ thuật hoặc những hàng hóa khác làm tổn hại đến đạo đức hoặc an ninh xã hội (các tài liệu tục tĩu, khiêu dâm). Các hàng hóa xâm phạm quyền về sáng chế, kiểu mẫu sử dụng,

thiết kế, tên thương mại, quyền tác giả...

2. Một số mặt hàng nhập khẩu phải xin phép: một số vật nuôi, cây trồng theo quy định của công ước Washington; các mặt hàng được sản xuất hoặc vận chuyển đến từ các quốc gia mà cần phải có sự đồng ý cho phép nhập khẩu trước khi nhập khẩu, chẳng hạn như cá voi, các hải sản không đạt an toàn vệ sinh...

3. Một số hàng hóa hạn chế nhập khẩu: đó là những hàng hóa có thể có tác động tiêu cực đến ngành công nghiệp, kinh tế, vệ sinh, hoặc an toàn xã hội và đạo đức của Nhật Bản.

4. Những mặt hàng thuộc diện được "tự do nhập khẩu", không cần xuất trình giấy phép hay hóa đơn cho Hải quan. Đó là hàng nhập khẩu có giá trị dưới 5 triệu Yên, nhập khẩu cho mục đích sử dụng cá nhân hoặc hàng tạm thời được bốc dỡ ở Nhật Bản.

5. Ngoài ra, Theo quy định của Nhật Bản tất cả các loại hoa cact cảnh nhập khẩu vào nước này đều phải chịu sự giám sát của Luật Kiểm dịch thực vật. Về thuế nhập khẩu của Nhật Bản, các loài hoa đều có thuế nhập khẩu bằng 0%, riêng các loại cảnh, cây khô có mức thuế suất nhập khẩu là 3%<sup>2</sup>.

### 2. Khuyến khích xuất khẩu

Sự thành công to lớn của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh là sự kết hợp của nhiều yếu tố tạo nên. Trong các yếu tố đó, phải nói đến một nhân tố nổi bật đóng vai trò quan trọng là chính sách khuyến khích xuất khẩu. Nền kinh tế Nhật Bản lúc đầu cũng chỉ là một nền nông nghiệp chủ yếu dựa vào việc sản xuất các mặt hàng có hàm lượng lao động cao. Nhật Bản đã phát huy sức mạnh truyền thống là một nước chuyên chế biến xuất khẩu các sản phẩm bằng nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài, đã được hình thành từ trước chiến tranh nhằm nhanh chóng mở rộng sản xuất và tăng cường

1. Chính sách công nghiệp của Nhật Bản, tính từ các chỉ tiêu kinh tế, tr. 152, 153, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1999.

2. VnExpress: Quy chế nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản.

xuất khẩu. Với hướng đi đó, Nhật Bản đã nhanh chóng trở thành nước đứng đầu thế giới về sản xuất sợi tổng hợp, cao su, gang, xe ô tô và là nước đứng thứ ba trên thế giới về sản xuất bột giấy, phân đạm, xi măng, đồng và nhôm... Trong sản xuất công nghiệp, Nhật Bản đã áp dụng chính sách vừa tăng về khối lượng vừa tăng về chất lượng sản phẩm mới như cao su tổng hợp, hàng điện tử, hóa dầu... Với hướng đi đó, vào những năm đầu thập kỷ 70, Nhật Bản đã trở thành một trong những nền công nghiệp tiên tiến nhất thế giới. Năm 2002, tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản đã đạt 0,2%, tăng mạnh so với mức tăng của nền kinh tế sau khủng hoảng kinh tế khu vực năm 1997 (0,3%). Năm 2009, tuy chịu sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng tăng trưởng GDP của Nhật Bản vẫn tăng 4,9% so với 2008; theo các chuyên gia kinh tế của Nhật Bản, mức tăng này thấp hơn mức dự kiến của họ là 5,5%<sup>3</sup>. Ở Nhật Bản, trong bất cứ hoàn cảnh nào, xuất khẩu cũng tăng nhanh hơn nhập khẩu.

Mặc dù có một số ảnh hưởng không tốt của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và sự dao động trong chính sách của Nhật Bản, một vài tập đoàn bị phá sản (trong đó có tập đoàn SOGO - kinh doanh tổng hợp), nhưng tương lai của nền kinh tế Nhật Bản vẫn rất sáng sủa. Từ nửa đầu 2009 đến nay, đầu tư ở Nhật Bản bắt đầu chuyển sang xu hướng tích cực, tỷ lệ thất nghiệp giảm, lòng tin của người tiêu dùng đã được phục hồi.

Các nhân tố chủ yếu quyết định tăng trưởng GDP của Nhật Bản chính là các biện pháp về chính sách tài chính và khuyến khích xuất khẩu. Nhật Bản tăng cường viện trợ kinh tế cho Đông Nam Á và là nước viện trợ chính cho Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Việt Nam, vượt xa cả Mỹ. Viện trợ của Nhật Bản đã tạo thuận lợi cho việc bán các mặt hàng chế tạo của Nhật Bản và thúc đẩy mạnh việc buôn bán của Nhật Bản với các nước thuộc khu vực này. Theo số liệu do Bộ Tài chính Nhật Bản công bố ngày 24-6-2010, thặng dư thương mại của nước này trong tháng 5-2010 đạt 324,2 tỷ Yên (tương

đương 3,6 tỷ USD), tăng 15,2%<sup>4</sup> so với cùng kỳ năm 2009. Hãng tin AP cho hay, đây là tháng thứ mười hai liên tiếp, Nhật Bản đạt thặng dư thương mại nhờ xuất khẩu phục hồi. Bộ Tài chính Nhật Bản cũng cho biết, trong tháng báo cáo, kim ngạch xuất khẩu của nước này tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 5.300 tỷ Yên (tương đương 59 tỷ USD)<sup>5</sup>. Đây là tháng thứ sáu liên tiếp xuất khẩu của nước này tăng, nhờ nhu cầu về ô tô và các sản phẩm công nghệ cao như máy tính và TV màn hình phẳng của Nhật Bản tăng mạnh trên toàn cầu. Trong đó, xuất khẩu của Nhật Bản sang các thị trường Châu Á tăng 34,4%, sang Mỹ tăng 17,7% và Liên minh Châu Âu (EU) tăng 17,4%. Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Nhật Bản, với kim ngạch tăng 25,3%. Mới đây, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế lên 2,6% trong năm tài chính 2010<sup>6</sup>. Cơ sở để Chính phủ Nhật Bản nâng mức dự báo là do xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng ổn định, đặc biệt là sang thị trường Châu Á.

Nhằm đẩy mạnh xuất khẩu được hàng hóa của mình, Nhật Bản đã áp dụng biện pháp khuyến khích và ưu đãi cho các nhà xuất khẩu như: miễn giảm thuế cho các công ty xuất khẩu; thông qua các ngân hàng phát triển của Nhật Bản và ngân hàng xuất nhập khẩu, Nhật Bản đã cấp vốn với lãi suất thấp, ưu đãi cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đặc biệt, Chính phủ đã thành lập các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu trong lĩnh vực thăm dò và tìm kiếm các thị trường bên ngoài. Tiêu biểu nhất phải kể đến là Tổ chức Xúc tiến mậu dịch Nhật Bản (JETRO), thành lập năm 1958 với các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu như: điều tra, theo dõi những thay đổi về chính sách thuế quan, thị hiếu tiêu dùng và tình hình cạnh tranh của các nước trên thị trường sở tại báo cáo về nước để phục vụ cho công tác hoạch định chính

3. VnExpress: Tình hình tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản.

4. Cổng thông tin Bộ Thương mại.

5. [www.itpc.gov.vn/exporters](http://www.itpc.gov.vn/exporters).

6. [www.itpc.gov.vn/exporters](http://www.itpc.gov.vn/exporters).

sách song phương và các doanh nghiệp có nhu cầu tìm hiểu. Hai là, tổ chức xây dựng các phòng giới thiệu sản phẩm, triển lãm hàng của Nhật Bản ở nước ngoài ... Ba là, thăm dò và tìm kiếm những bạn hàng tương lai của Nhật Bản để giới thiệu với các đối tác trong nước. Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản còn thành lập Ngân hàng Xuất khẩu, nay là Ngân hàng Xuất nhập khẩu (EXIMBANK) để hỗ trợ tín dụng cho cho những dự án xuất khẩu có kim ngạch lớn như sản xuất, chế tạo tàu biển, thiết bị, thép... Hàng năm, hội nghị tham vấn cấp cao bàn về xuất khẩu (gồm đại diện của chính phủ và giới kinh doanh, giới học giả...) được tổ chức bàn về mục tiêu xuất khẩu cho năm tới và thảo luận các biện pháp hỗ trợ cụ thể. Nhật Bản còn áp dụng biện pháp khuyến khích xuất khẩu bằng cách đưa ra các tiêu chuẩn công nhận các doanh nghiệp có nhiều cống hiến cho xuất khẩu. Hàng năm kiểm điểm, đánh giá kết quả xuất khẩu để biểu dương, tặng thưởng bằng biện pháp cấp tín dụng với lãi suất thấp và miễn giảm thuế đặc biệt cho các doanh nghiệp này.

Nhật Bản có một chính sách kiểm tra chất lượng hàng xuất khẩu rất khắt khe nhằm không cho hàng kém phẩm chất lọt ra thị trường bên ngoài để giữ uy tín. Chính việc kiểm tra chặt chẽ chất lượng hàng xuất khẩu của Nhật Bản đã làm cho những nhà nhập khẩu tin tưởng vào hàng hóa của Nhật và góp phần thúc đẩy việc tăng xuất khẩu của nước này.

Nhật Bản là nước khổng lồ nhưng hầu như chỉ quan tâm tới kinh tế ở Đông Nam Á, chứ không đóng vai trò anh ninh hay chính trị. Lý do mà Nhật Bản chỉ quan tâm đến các hoạt động kinh tế trong khu vực Đông Nam Á là vì nguồn cung cấp lao động rẻ, nguyên liệu thiết yếu cho Nhật Bản, đồng thời cũng là thị trường chủ lực cho việc tiêu thụ các hàng chế tạo của Nhật Bản.

### 3. Thuế quan

Ở Nhật Bản có hai loại mức thuế quan là mức thuế tự định (còn gọi là quốc định) và mức thuế hiệp định.

#### a. Mức thuế tự định

Được quy định trong luật thuế và chia làm ba loại: mức thuế cơ bản, mức thuế tạm thời và mức thuế ưu đãi. Mức thuế cơ bản, được quy định trong luật thuế hải quan. Đây là mức được áp dụng trong thời gian dài. Mức thuế tạm thời, được quy định theo luật thuế tạm thời. Đây là mức thuế mang tính tạm thời được áp dụng thay cho mức thuế cơ bản trong một thời gian nhất định trong trường hợp khó áp dụng mức thuế cơ bản. Mức thuế ưu đãi là mức thuế áp dụng đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Mức thuế này thấp hơn mức thuế nhập khẩu từ các nước phát triển. Chẳng hạn, thuế suất thuế nhập khẩu đối với hầu hết các sản phẩm rau tươi nhập khẩu vào Nhật Bản hiện phổ biến ở mức 3%, với rau đông lạnh là 6% và với rau chế biến, rau sấy khô là 9%; thuế suất đối với khoai tây, khoai lang, ngô ngọt, khoai sọ, một số loại nấm, ngư cụ đông lạnh và chế biến, đậu tươi và đậu đông lạnh là 12%.<sup>7</sup> Trong khi đó, mức thuế phổ cập được áp dụng đối với các nước đang phát triển và kém phát triển, ngoại trừ rau sấy khô: áp dụng thuế suất 0%.<sup>8</sup>

#### b. Mức thuế hiệp định

Là mức thuế được thỏa thuận trong các hiệp định ký với nước ngoài, trong đó qui định chỉ đánh thuế vào mặt hàng nào đó theo một mức thuế thấp. Mức thuế hiệp định cũng được áp dụng với những nước có thỏa thuận cho nhau hưởng nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) trong quan hệ ngoại thương với Nhật Bản.

Về nguyên tắc, mức thuế áp dụng theo thứ tự: mức thuế ưu tiên, mức thuế WTO, mức thuế tạm thời và mức thuế chung. Tuy nhiên, mức thuế ưu tiên chỉ được áp dụng khi thỏa mãn các điều kiện của Luật áp dụng mức thuế ưu đãi. Mức thuế WTO chỉ áp dụng khi nó thấp hơn cả mức thuế tạm thời và mức thuế chung. Như vậy mức thuế chung áp dụng cho những nước không phải

7, 8. Cổng thông tin Bộ Công nghiệp.

là thành viên của WTO, mức thuế WTO áp dụng cho những nước công nghiệp phương Tây và mức thuế ưu tiên áp dụng cho các nước đang phát triển. Tất nhiên nếu mức thuế tạm thời thấp hơn những mức thuế trên, nó sẽ được áp dụng.

Một số mặt hàng nhập khẩu vào Nhật phải chịu cả thuế quan và thuế tiêu dùng. Thuế quan Nhật Bản được Hội đồng hải quan thuộc Bộ Tài chính quản lý căn cứ vào Bảng kế hoạch thuế quan. Trị giá hải quan là giá CIF theo giá hàng. Phần lớn thuế nhập khẩu tính theo giá trị, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ các mặt hàng tính thuế theo trọng lượng, số lượng hay mức thuế cố định. Ngoài thuế nhập khẩu, hàng nhập khẩu phải đóng 5%<sup>9</sup> thuế tiêu thụ thông thường, được áp dụng đối với tất cả mặt hàng bán tại Nhật Bản. Loại thuế này phải được thanh toán ngay khi khai báo hải quan hàng nhập khẩu. Thuế tiêu thụ được tính trên trị giá CIF của hàng nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu.

Bao bì được miễn thuế nếu chúng chứa một lượng hàng ít hơn 10.000<sup>10</sup> Yên. Một số mặt hàng khác, như hàng da, hàng dệt kim cũng được miễn thuế. Theo Hiệp hội thuế quan Nhật Bản, biểu thuế áp dụng cho các mặt hàng nhập khẩu vào Nhật Bản là một trong số những biểu thuế thấp nhất trên thế giới. Tuy nhiên, một số mặt hàng như đồ da và các sản phẩm nông nghiệp vẫn chịu thuế suất cao. Bên cạnh đó, thuế đánh vào các sản phẩm gia công cũng còn tương đối cao. Hiện nay, thuế suất áp dụng đối với các mặt hàng nông nghiệp đang giảm dần. Các mặt hàng như ô tô, phụ kiện, phần mềm, máy vi tính, máy công nghiệp có thuế suất là 0%<sup>11</sup>.

### Chế độ thuế quan đặc biệt:

Ngoài các loại thuế và mức thuế suất trên đây, Nhật Bản còn ban hành ba loại thuế quan đặc biệt. Đó là: (1) Thuế quan khẩn cấp: là loại thuế đánh vào hàng nhập khẩu để bảo vệ kịp thời ngành sản xuất trong nước trong trường hợp có sự tăng nhanh nhập khẩu do giá hàng hóa nước ngoài quá rẻ. (2). Thuế đối kháng: là loại thuế đặc biệt đánh vào hàng nhập khẩu để đối lại các nhà

sản xuất và xuất khẩu nước ngoài được hưởng trợ cấp của Chính phủ. Các loại thuế đối kháng chỉ có thể được sử dụng với một số điều kiện hạn chế và khi có thiệt hại vật chất đối với ngành sản xuất trong nước. (3). Thuế chống phá giá: là loại thuế đặc biệt đánh vào hàng nhập khẩu, khi một công ty nước ngoài bị coi là bán hàng hóa của mình tại nước nhập khẩu ở mức giá thấp hơn giá thành hay thấp hơn giá trị thông thường của hàng hóa đó tại nước xuất khẩu.

Nhìn chung, Nhật Bản đã có đạo luật rõ ràng về việc áp dụng quy chế thuế quan đặc biệt để bảo vệ lợi ích của các ngành sản xuất nội địa mỗi khi có thiệt hại thật sự do việc bán phá giá, trợ cấp xuất khẩu của nước ngoài.

Theo cam kết của phía Nhật Bản, thuế suất bình quân đánh vào hàng hóa của Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản sẽ giảm dần xuống 2,8% vào năm 2018. Nhật Bản cam kết sẽ giảm thuế suất cho 95% tổng số dòng thuế, trong đó khoảng vài nghìn dòng thuế xuống 0%. Nếu Hiệp định được ký kết và có hiệu lực, ít nhất sẽ có 86% hàng nông, lâm, thủy sản và 97% hàng công nghiệp của Việt Nam xuất sang Nhật sẽ được hưởng ưu đãi thuế. Các mặt hàng khoáng sản sẽ được hưởng thuế nhập khẩu là 0% ngay lập tức kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng tôm sẽ được giảm thuế suất nhập khẩu xuống 1%-2% ngay lập tức, các mặt hàng chế biến từ tôm được giảm xuống còn 3,2%-5,3% ngay lập tức, mặt hàng mực đông lạnh được giảm xuống còn 3,5% trong vòng 5 năm<sup>12</sup>.

### 4. Hệ thống ưu đãi thuế quan

Hệ thống ưu đãi phổ cập là kết quả của cuộc đàm phán liên chính phủ được tổ chức dưới sự bảo trợ của Hội nghị Thương mại và phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD). Mục đích của hệ thống này là tăng kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy công nghiệp hóa và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ở các nước

9. VnExpress.net.

10. Cổng thông tin Bộ Công nghiệp.

11, 12. Cổng thông tin Bộ Công thương.

đang phát triển bằng việc giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu từ các nước này. Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) của Nhật Bản bắt đầu vào ngày 1-8-1971 dựa trên hiệp ước của UNCTAD năm 1970 và chế độ này được gia hạn hiệu lực đến ngày 31-3-2011. Thuế GSP thường thấp hơn thuế MFN từ 10% đến 100%.

Hiện nay, Nhật Bản dành chế độ GSP cho 140 nước và 15 vùng lãnh thổ đang và chậm phát triển, trong đó có Việt Nam. Theo chế độ GSP, với một số mặt hàng nông sản và hải sản, Nhật Bản dành ưu đãi cho 339 mặt hàng với thuế suất thấp hơn thuế suất WTO từ 10% đến miễn thuế hoàn toàn và không giới hạn hạn ngạch. Tuy nhiên, nếu việc công nhận quy chế ưu đãi gây ảnh hưởng xấu tới ngành sản xuất trong nước, thì một quy định ngoại lệ sẽ được đưa ra để tạm hoãn quy chế ưu đãi cho sản phẩm này. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp được hưởng ưu đãi không chịu thuế nhập khẩu, trừ 118 mặt hàng không được ưu đãi gồm: muối, dầu thô, gelatin, đồ da, lông cừu, dê, thỏ và các sản phẩm từ lông này, gỗ dán, kén tầm, lụa thô, sợi lụa, vải lụa, sợi bông và sản phẩm dệt, giấy và các bộ phận của giấy... và 78 hạng mục (1.264 mặt hàng) nhạy cảm với mức thuế suất 20%, 40%, 60% hoặc 80% so với thuế suất MFN, có hạn ngạch trần được tính cho mỗi năm tài chính.

### 5. Thủ tục hải quan

Các quy định về hải quan của Nhật cũng tương đối phức tạp và rắc rối, gây nhiều phiền phức và rất máy móc. Hầu hết các rắc rối về thủ tục hải quan thường xảy ra ở lần đầu tiên. Nói chung, bất kỳ người nào muốn nhập khẩu hàng hóa cũng phải khai báo hải quan và lấy được giấy phép nhập khẩu sau khi tiến hành kiểm hóa những mặt hàng này. Quy trình bắt đầu với việc điền vào tờ khai hải quan và kết thúc sau khi nhận được giấy phép nhập khẩu.

Theo cách này, những biện pháp được tiến hành để đảm bảo những yêu cầu của việc kiểm soát ngoại hối và những quy định khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa.

Khai báo hải quan, phải được thực hiện bằng một tờ khai hải quan, mô tả số lượng và giá trị hàng hóa cũng như những mục cần thiết cụ thể. Thông thường việc khai báo hải quan phải được thực hiện sau khi hàng hóa đã vào khu vực Hozei (khu vực hải quan) hoặc một điểm chỉ định trước. Tuy nhiên, đối với một số mặt hàng cụ thể, cần sự phê chuẩn của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, việc khai báo phải được thực hiện trong khi hàng hóa được xác định ở trên tàu, xà lan hoặc trước khi được đưa tới khu vực hải quan. Về nguyên tắc, việc khai báo hải quan phải được thực hiện bởi người nhập khẩu hàng hóa. Thực tế, nhà môi giới khai thuê hải quan sẽ tiến hành những thủ tục hải quan này theo ủy quyền của nhà nhập khẩu. Chứng từ phải nộp (theo Luật Hải quan của Nhật Bản): một tờ khai hải quan phải được khai làm 3 bản và nộp cho Hải quan, kèm với những chứng từ, như: hóa đơn; vận đơn đường biển hoặc vận đơn hàng không; giấy chứng nhận xuất xứ (khi áp dụng thuế suất nhập khẩu theo WTO); giấy chứng nhận xuất xứ theo chế độ ưu đãi thuế quan; phiếu đóng gói, giấy biên nhận vận tải, đơn bảo hiểm... Ngoài ra, còn phải có giấy phép, giấy chứng nhận, tùy theo yêu cầu của luật lệ khác ngoài Luật Hải quan.

### 6. Các biện pháp quản lý nhập khẩu ngoài thuế

Nhật Bản cũng nổi tiếng là nước có nhiều biện pháp hạn chế hoặc cấm nhập đối với hàng hóa nước ngoài vào thị trường nước này. Việc hạn chế này thể hiện cả trong các chính sách và các biện pháp kinh tế công khai cũng như các nỗ lực nhằm tạo sự khác biệt về văn hóa kinh doanh và truyền thống. Các vấn đề về văn hóa và truyền thống đã ăn sâu vào tiềm thức về giá trị Nhật Bản đến nỗi không thể bỏ qua được trong từng việc cụ thể. Mỗi một cố gắng thay đổi trong thói quen đều bị xem như là làm ảnh hưởng đến văn hóa, trong đó phải kể đến một số vấn đề sau:

Thiết lập các tiêu chuẩn riêng của Nhật Bản (cả chính thức và không chính thức). Việc đòi hỏi phải chứng minh kinh nghiệm

trong thị trường Nhật Bản thực tế đã cản trở các nhà xuất khẩu mới muốn thâm nhập thị trường này. Các quy định chính thức nhằm bảo trợ sản xuất trong nước và phân biệt đối xử đối với hàng ngoại nhập. Quyền cấp phép nằm trong tay các hiệp hội sản xuất với số lượng thành viên hạn chế, nhưng có sự ảnh hưởng rất lớn trong thị trường, cộng với khả năng kiểm soát thông tin và hoạt động một cách hoàn hảo...

Để có thể vượt qua các rào cản này, yếu tố thành công phụ thuộc vào lĩnh vực sản xuất, ngành hàng, vào tính cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ, cũng như là sự sáng tạo và các quyết định sáng suốt của ban lãnh đạo doanh nghiệp.

Nhật Bản là một thị trường lớn và phức tạp với mức độ cạnh tranh rất gay gắt. Tuy nhiên thực tế cho thấy các doanh nghiệp thành công trong việc thâm nhập vào thị trường này đều là các công ty biết đánh giá và điều chỉnh chiến lược thâm nhập thị trường cũng như hiểu sâu sắc về thị trường, về các vấn đề của hệ thống luật lệ Nhật Bản và đồng thời là khả năng thích ứng với các quy định ngày càng gia tăng về số lượng và tính chất phức tạp của nó.

Luật pháp Nhật Bản đòi hỏi phải có sự chấp nhận xuất nhập khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi nhập khẩu để đảm bảo an toàn và y tế cho người dân.

(1). Hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng với 3 loại hàng sau:

- Các mặt hàng thương mại thuộc kiểm soát của Nhà nước, bao gồm: vũ khí, rượu, chất nổ, súng cầm tay và dao, vật liệu hạt nhân, ma túy, và các thực phẩm chịu sự kiểm soát (như gạo).

- Những mặt hàng hạn chế nhập khẩu, bao gồm 5 loại hải sản: cá trích, cá mòi, sò và các loại hải sản khác.

- Các loại thực vật và động vật có tên trong Bản phụ lục I của Công ước về thương mại quốc tế về các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng trong hệ thống động thực vật (CITES).

Ở Nhật Bản, hạn ngạch nhập khẩu được tính toán trên cơ sở dự đoán nhu cầu về hàng hóa và khả năng sản xuất của các doanh nghiệp trong nước. Vào đầu và giữa năm tài chính (từ tháng 4 năm trước đến tháng 4 năm tiếp theo), việc phê chuẩn những mặt hàng nhập khẩu theo quy chế hạn ngạch được ghi rõ trong thông báo nhập khẩu.

(2). Chế độ thông báo nhập khẩu: theo chế độ này, các nhà nhập khẩu có dự định hoặc đã nhập khẩu hàng hóa phải đệ trình lên METI một bản thông báo nhập khẩu thông qua ngân hàng quản lý ngoại hối thanh toán cho lô hàng đó.

(3). Giấy phép nhập khẩu: hầu hết các hàng hóa được tự do nhập khẩu và không phải chịu một yêu cầu nào về giấy phép nhập khẩu, nhưng các mặt hàng sau gồm cả những mặt hàng liệt kê trong thông báo nhập khẩu kể trên cần phải có giấy phép nhập khẩu: đó là những hàng hóa sản xuất hay vận chuyển từ các quốc gia, khu vực quy định trong thông báo nhập khẩu đòi hỏi phải có giấy phép nhập khẩu; hàng hóa đòi hỏi phương thức thanh toán đặc biệt; hàng hóa cần sự xác nhận sơ thẩm và phải đáp ứng được các qui định đặc biệt của Chính phủ như các loại vắc xin nghiên cứu.

Khi nhập khẩu mặt hàng cần giấy phép hay sự xác nhận của một số bộ, các nhà nhập khẩu được toàn quyền ký hợp đồng với các nhà xuất khẩu, nhưng việc ký và thực hiện hợp đồng phụ thuộc vào sự cho phép hay xác nhận của các bộ có liên quan. Đặc biệt trong trường hợp hàng cần hạn ngạch nhập khẩu, việc nhập khẩu các mặt hàng này chỉ có thể sau khi có hạn ngạch nhập khẩu dựa theo thông báo hạn ngạch nhập khẩu chính thức. Việc thanh toán hàng nhập khẩu cần giấy phép chỉ có thể thực hiện sau khi giấy phép nhập khẩu đã được cấp.

Quy định chế độ cho phép nhập khẩu của Nhật Bản tuy chưa thể hiện sự bất phù hợp với quy tắc WTO, nhưng trong thao tác thực tế vẫn tồn tại cách làm trở ngại đến mậu dịch. Ví dụ, đối với một số hàng tươi sống,

thời gian khi hàng vào cảng đến khi hoàn tất đưa vào lưu thông tương đối dài; điều này rất bất tiện cho vận chuyển hàng tươi sống đóng gói.

(4). Các quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa nhập khẩu.

Hầu hết sản phẩm trong nước và sản phẩm nhập khẩu của Nhật đều phải chịu kiểm tra hàng hóa và không thể tiêu thụ tại thị trường này nếu không được cấp những giấy chứng nhận sản phẩm đã tuân theo những tiêu chuẩn. Một số tiêu chuẩn là bắt buộc, một số là tự nguyện. Trong nhiều trường hợp, những giấy chứng nhận này có thể là tính quyết định thành, bại của các thương vụ. Hiện nay, tại Nhật Bản, có hai xu hướng đối với các loại tiêu chuẩn. Hoặc là dần nới lỏng những tiêu chuẩn này, hoặc là thống nhất chúng với những tiêu chuẩn quốc tế. Trong khi các cơ quan chức năng đang cố gắng tiến hành những cải cách thì vẫn tồn tại hàng loạt những đạo luật và quy định tác động đến những tiêu chuẩn bắt buộc. Vì vậy, những doanh nghiệp xuất khẩu hàng sang Nhật Bản cần tìm hiểu những văn bản luật này.

Thị trường Nhật Bản có một số điểm khác biệt mang tính đặc trưng so với thị trường khác. Đó là tại Nhật Bản, chất lượng được quan tâm hàng đầu chứ không phải giá cả như thông thường trong ngoại thương. Ngay cả khi mua hàng rẻ tiền thì người Nhật cũng rất quan tâm đến chất lượng của mặt hàng đó. Thực tiễn ở Nhật Bản chứng tỏ tiêu chuẩn chất lượng và độ an toàn của hàng hóa của Nhật Bản cao hơn và chặt chẽ hơn so với yêu cầu thông thường và tiêu chuẩn quốc tế. Sự tràn ngập của hàng Nhật trên thị trường các nước khác chủ yếu là do các sản phẩm này có chất lượng cao. Hàng hóa nước ngoài muốn vào thị trường Nhật Bản trước tiên phải đáp ứng được những tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của nước này.

#### **7. Chương trình xúc tiến thương mại**

Đáp lại những than phiền của các đối tác thương mại về việc hạn chế tiêu thụ sản

phẩm nước ngoài tại Nhật Bản, trong những năm gần đây, Chính phủ nước này đã xúc tiến một loạt các chương trình nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Chủ yếu do các cơ quan xúc tiến thương mại Nhật Bản: JETRO, MIPRO và METI chủ trì triển khai. Việc hỗ trợ bao gồm các khoản cho vay ưu đãi nhằm khuyến khích nhập khẩu, hỗ trợ trong việc tìm kiếm các đối tác thương mại tại Nhật Bản, các hỗ trợ trong nghiên cứu thị trường, các chương trình đào tạo về xuất nhập khẩu cùng với việc đặt các văn phòng hỗ trợ tại 6 thành phố chính của Nhật Bản.

Để xuất khẩu hàng hóa vào Nhật Bản, các công ty nước ngoài có thể tìm kiếm những chương trình tài trợ của Chính phủ Nhật Bản đối với một số mặt hàng nước này có chính sách khuyến khích nhập khẩu. Chương trình của Chính phủ Nhật Bản để xúc tiến nhập khẩu và đầu tư nước ngoài tại Nhật Bản, bao gồm các khoản giảm thuế, cho vay có đảm bảo, những khoản cho vay chi phí thấp cho các nhà đầu tư Nhật Bản và đầu tư nước ngoài thông qua Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (Development Bank of Japan) hoặc các chương trình cho vay khác. Ngoài ra, Nhật Bản đang phát triển gần 30 khu mậu dịch tự do nhằm cung cấp cơ sở hạ tầng cho việc nhập khẩu và ưu đãi thuế quan cũng như những khoản cho vay chi phí thấp<sup>13</sup>. Bốn tổ chức tài chính lớn của Nhật Bản: Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Phát triển Nhật Bản, Công ty Tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ, và Tập đoàn Bảo hiểm nhân thọ quốc gia, hiện đang cung cấp những khoản cho vay lãi suất thấp nhằm khuyến khích nhập khẩu và đầu tư vào Nhật Bản. Ngoài ra, dịch vụ của Công ty Phát triển khu vực Nhật Bản, một tổ chức của Chính phủ chuyên cung cấp những khoản cho vay dài hạn với lãi suất thấp cho các công ty nước ngoài.

---

13. Cổng thông tin Bộ Công thương.

Chương trình tín dụng nhập khẩu của Ngân hàng Hợp tác quốc tế, dành cho những hàng hóa sản xuất nhằm hỗ trợ cho việc nhập khẩu hàng công nghiệp từ những nước phát triển vào Nhật Bản. Những khoản cho vay 5 năm hoặc vay bảo đảm chiếm tới 70% giá trị khoản vay với lãi suất ưu đãi được cung cấp cho các nhà nhập khẩu, nhà phân phối, nhà bán lẻ; tại Nhật Bản có kế hoạch tăng số lượng hàng công nghiệp nhập khẩu, trừ hàng thực phẩm lên trên 10%<sup>14</sup> so với năm trước đó. Khoản cho vay này cũng được cung cấp cho các nhà xuất khẩu nước ngoài, nếu chấp nhận xuất khẩu hàng sang Nhật Bản theo điều kiện thanh toán thời hạn, cũng như các nhà sản xuất nước ngoài, những tổ chức tài chính trung gian đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết bị để sản xuất hàng hóa xuất khẩu vào thị trường Nhật.

Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (DBJ) cũng cho vay để tăng nhập khẩu vào Nhật Bản. Những khoản cho vay này được cung cấp cho các công ty Nhật Bản có ít nhất 33% vốn nước ngoài, hoặc cho các chi nhánh đăng ký của các công ty nước ngoài tại Nhật Bản có 40-50% chi phí dự án dành cho việc mở rộng kinh doanh tại Nhật Bản<sup>14</sup>.

### **8. Khu vực mậu dịch tự do**

Nhật Bản hiện không có khu vực tự do mậu dịch. Tuy nhiên, Hải quan Nhật Bản cho phép việc nhập kho ngoại quan, ưu đãi đối với các nguyên vật liệu cho gia công hàng hóa và các khu triển lãm, đối với từng trường hợp cụ thể. Hiện Nhật Bản có gần 30<sup>15</sup> khu vực Quá cảnh đối với hàng hóa nước ngoài (FAZ) trên toàn bộ lãnh thổ Nhật Bản. Mỗi khu vực này cung cấp các điều kiện cho việc thực hiện các công đoạn từ nhập hàng, từ việc khai báo hải quan đến việc sắp xếp hàng hóa, gia công và phân phối. Nhiều khu vực quá cảnh được trang bị các trang thiết bị cần thiết cho kinh doanh như các trung tâm triển lãm và hội thảo. Một số khu cung cấp các dịch vụ trọn gói đối với các hàng quá cảnh. Nhật Bản mới hoàn thành việc ký kết hiệp ước tự do mậu dịch thương mại với Xingapo và Mêxicô. Tuy

nhiên, cùng với phong trào trên thế giới về việc phát triển các hiệp định thương mại song phương, Nhật Bản hiện đang tiếp tục phát triển đàm phán Hiệp định thương mại tự do với một số nước trong Châu Á... Về quan hệ đa phương: Nhật Bản là thành viên của APEC, với mục tiêu thiết lập một khu vực tự do mậu dịch và đầu tư cho các nước phát triển vào năm 2010 và cho tất cả các nước thành viên của APEC vào năm 2020 và thành viên của WTO.

Đánh giá chung về chính sách nhập khẩu của Nhật Bản, Nhật Bản đang tiếp tục duy trì và phát triển chế độ mậu dịch tự do. Từ những năm 80, Nhật Bản đã xúc tiến mở cửa thị trường bằng việc cắt giảm và bãi bỏ thuế nhập khẩu, chấm dứt và nới lỏng các biện pháp hạn chế số lượng, cải thiện hệ thống cấp chứng nhận. Các nỗ lực này của Nhật Bản đã làm giảm bớt sự hạn chế nhập khẩu, đặc biệt là với hàng sản xuất công nghiệp và khai thác mỏ. Bên cạnh đó, đối với hàng công nghiệp, Nhật Bản đã bãi bỏ tất cả các "hạn chế nhập khẩu còn lại". Đối với nông sản nhập khẩu, cho đến nay, Nhật Bản vẫn đang cố gắng để tự do hàng nhập khẩu và mở rộng cửa thị trường cho các nông sản chính như thịt bò và giống cây họ cam. Các cố gắng này đã làm tăng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản một cách đều đặn. Ngày nay, Nhật Bản áp dụng các biện pháp toàn diện để mở rộng quy mô nhập khẩu như áp dụng các khuyến khích về thuế để đẩy mạnh nhập khẩu hàng công nghiệp, cắt giảm và bãi bỏ thuế nhập khẩu, cấp tín dụng nhập khẩu và các biện pháp khác. Các chính sách này đã làm giảm một khối lượng lớn thặng dư mậu dịch và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế của Nhật. Người Nhật có thói quen đưa ra quyết định mua hàng căn cứ vào dấu chất lượng trên bao bì. Họ coi đó như là sự đảm bảo độ tin cậy về chất lượng hàng hóa được mua. Các nhà xuất khẩu có ý định thâm nhập vào thị trường Nhật Bản cần có được dấu chứng nhận

---

14. VnExpress.vn.

JIS, JAS hoặc Ecomark cũng như chế độ xác nhận trước về thực phẩm nhập khẩu các loại khác cho sản phẩm của mình để đảm bảo rằng các sản phẩm này có được tiêu chuẩn tối thiểu tại thị trường Nhật Bản, từ đó dễ dàng cho việc tiêu thụ hàng hóa. Hơn nữa, thực tế cho thấy nếu chất lượng của một sản phẩm đã được thị trường Nhật Bản chấp nhận, thì sản phẩm đó hoàn toàn có thể cạnh tranh được ở các thị trường khác. Hiện nay, Thái Lan rất quan tâm đến chế độ này và 8 nhà xuất khẩu của Thái Lan đã được Chính phủ Nhật Bản cấp giấy chứng nhận cho 27 chủng loại thực phẩm. Thái Lan là nước thứ tư, sau Mỹ, Australia và Đài Loan, được Chính phủ Nhật Bản cấp giấy chứng nhận này. Các tiêu chuẩn mang tính hành chính - kỹ thuật do Nhật Bản đề ra nhìn chung là khá cao. Việc các nhà sản xuất thực hiện các tiêu chuẩn về chất lượng hàng hóa đã giúp họ thành công trong cạnh tranh trên thương trường. Nhiều nhà sản xuất hay xuất khẩu nước ngoài muốn đưa hàng vào Nhật Bản cho rằng những tiêu chuẩn mà người Nhật đề ra là quá cao, việc đáp ứng được những tiêu chuẩn đó là rất khó khăn và quá tốn kém. Họ coi đó là những rào cản hạn chế xuất khẩu vào thị trường này. Ngược lại, nhiều nhà xuất khẩu nước ngoài nhận thức được là phải đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng và độ an toàn của hàng hóa đối với người tiêu dùng Nhật và họ đã đạt được thành công.

**Tóm lại**, chính sách thương mại của Nhật Bản là khuyến khích nhập khẩu các hàng hóa nhằm đa dạng hóa nền kinh tế cũng như tăng tính năng động cho mỗi ngành sản xuất trong nước. Từ đó, tăng cường cơ hội lựa chọn cho người tiêu dùng và

sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước thông qua cải tiến công nghệ, kỹ thuật, quản lý... Bên cạnh đó, chính nhờ mở cửa nền kinh tế của mình, Nhật Bản cũng tạo được sức ép để các nước đối tác mở cửa thị trường cho sản phẩm của mình.

Trong khi theo đuổi chính sách mậu dịch tự do, Nhật Bản vẫn có cơ chế bảo hộ ngành sản xuất trong nước một cách hiệu quả. Thay cho những biện pháp bảo hộ mang tính lộ liễu trước đây, như áp đặt lệnh cấm, hạn chế số lượng hoặc áp đặt thuế suất nhập khẩu cao, Nhật Bản đã sử dụng các biện pháp bảo hộ được lồng vào những lý do chính đáng như để bảo vệ những ngành sản xuất trong nước trước những hành động thương mại không lành mạnh, bảo vệ sức khỏe con người, kiểm soát chất lượng, môi trường, quy định về an toàn thực phẩm, điều kiện lao động, kiểm soát dịch bệnh, chống bán phá giá, chống trợ cấp, ghi nhãn hàng hóa./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính sách công nghiệp và các công cụ của chính sách công nghiệp: Kinh nghiệm của Nhật Bản và bài học rút ra cho Việt Nam, CIEM, Nxb Lao động, Hà Nội, 2001.
2. Chính sách công nghiệp cho công cuộc đổi mới, một số kinh nghiệm của Nhật Bản, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
3. Chính sách công nghiệp của Nhật Bản. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
4. Kinh nghiệm công nghiệp hóa của Nhật Bản, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
5. Phạm Thanh Truyền: Chính sách thương mại của Nhật Bản. [www.bacbaphi.vn](http://www.bacbaphi.vn)
6. Lê Hải: Chính sách ngoại giao mới của Nhật Bản. BBC Vietnamese.com.
7. Josephe. Stiglitz: Suy ngẫm lại sự thần kỳ của Đông Á; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.